TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/DSST
Ngày: 06/3/2025
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng mua bán tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thạch Tân Dân
2. Ông Lê Thành Thạnh Tiến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2024/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2024, về việc tranh chấp: *"Hợp đồng mua bán tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST- DS, ngày 19 tháng 02 năm 2025; giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958.
Địa chỉ: Ấp KN, xã PT, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Xuân Q sinh năm 1989.
Địa chỉ: 44/5A Lê Thị Hồng G, Phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:*
+ Ông Trần Văn H, sinh năm 1977.
+ Bà Huỳnh Kim R, sinh năm 1978.
Cùng địa chỉ: Ấp TA, xã TP, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang**.**
(Anh Q, ông H, bà R xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Q trình bày:*

Bà R và ông H có mua thuốc, thức ăn nuôi tôm của bà Thủy. Khi mua thỏa thuận trả tiền vào cuối vụ tôm. Sau mỗi vụ tôm, bà R và ông H có trả tiền cho bà Thủy nhưng không đầy đủ. Đến ngày 24/10/2018, bà R và ông H với bà Thủy đối chiếu tiền nợ. Bà R và ông H còn nợ bà Thủy 153.184.000 đồng. Đến ngày 01/8/2019, bà R mua thêm thuốc, thức ăn tôm với số tiền 14.717.000 đồng và xin nợ tiếp nên tổng số tiền bà R và ông H nợ bà Thủy là 167.900.000 đồng. Ông H và có viết giấy nợ. Sau khi viết giấy nợ, bà R và ông H có trả được 6.000.000 đồng thì ngưng. Đến nay, bà R và ông H còn nợ số tiền 161.900.000 đồng.

Ông Q yêu cầu bà R và ông H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Thủy số tiền 161.900.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Thời gian tính lãi từ ngày thụ lý vụ án (ngày 23/10/2024) đến ngày xét xử (ngày 08/3/2025), lấy tròn là 04 tháng với lãi suất là 0,83%/tháng, thành tiền lãi là 5.394.508 đồng. Bà Thủy yêu cầu trả tổng cộng là 167.294.508 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Huỳnh Kim R và ông Trần Văn H trình bày cùng nội dung:*

Bà R và ông H có mua thức ăn, thuốc nuôi tôm của bà Thủy (còn gọi là 2 Ấn). Khi mua thỏa thuận, khi thu hoạch tôm sẽ thanh toán tiền. Mỗi vụ thu hoạch tôm, bà R và ông H có trả tiền cho bà Thủy nhưng khi có vụ tôm bị lỗ vốn thì bà R và ông H nợ lại tiền. Đến ngày 01/8/2019, bà R và ông H còn nợ bà Thủy là 167.900.000 đồng. Ông H có làm giấy nợ. Sau khi viết giấy nợ, bà R và ông H có trả được 6.000.000 đồng thì ngưng. Đến nay, bà R và ông H còn nợ bà Thủy số tiền 161.900.000 đồng, đồng ý trả cho bà Thủy số tiền là 161.900.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên xin trả mỗi tháng là 1.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi vì mua bán không thỏa thuận trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tRng hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, phạm vi khởi kiện

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông Trần Văn H và bà Huỳnh Kim R trả tiền mua thuốc, thức ăn tôm còn nợ nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân phú Đông theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân Q và các bị đơn bà Huỳnh Kim R và ông Trần Văn H có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[2] Về nội dung khởi kiện

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H, bà R cho bà Thủy trả tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ 161.900.000 đồng. Bà R và ông H thống nhất có nợ bà Thủy 161.900.000 đồng và đồng ý trả. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, cũng phù hợp với giấy nhận nợ do bà Thủy cung cấp lưu tại hồ sơ vụ án, nên ghi nhận.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi

Tại biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà R, ông H trả tiền lãi do chậm trả nợ. Bà R và ông H không đồng ý trả tiền lãi. Xét thấy, các bên đương sự trình bày thống nhất là khi mua bán, có thỏa thuận trả tiền sau khi thu hoạch mỗi vụ tôm. Sau khi thu hoạch tôm, bà R và ông H trả tiền không đầy đủ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Nay ông Q yêu cầu bà R, ông H trả tiền lãi do chậm trả tiền là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Mức lãi suất ông Q yêu cầu bà R, ông H trả là 0,83%/ tháng (10%/năm) là phù hợp theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Q yêu cầu tính tiền lãi từ thời gian thụ lý vụ án (ngày 23/10/2024) đến ngày xét xử là có lợi cho bà R, ông H nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc bà R, ông H có nghĩa vụ trả cho bà Thủy tiền lãi của số tiền 161.900.000 đồng là 5.394.508 đồng.

[4] Về thời gian trả:

Bà Thủy yêu cầu bà R, ông H trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật. Bà R, ông H xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, các đương sự trình bày khi mua bán, hai bên thỏa thuận thời gian trả tiền sau khi thu hoạch mỗi vụ tôm. Mỗi vụ tôm khoảng 4 tháng. Bà R, ông H mua hàng lần cuối là ngày 01/8/2019. Từ đó đến nay đã rất lâu nhưng bà R, ông H chưa trả xong tiền cho bà Thủy là làm thiệt thòi cho quyền lợi của bà Thủy. Nay lại xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, buộc bà R, ông H có nghĩa vụ trả cho bà Thủy số tiền mua thức ăn tôm và tiền lãi tổng cộng là 167.294.508 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí

- Bà R, ông H có nghĩa vụ trả tiền cho bà Thủy nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bà R và ông H có hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên bà R, ông H được giảm 50% án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều luật áp dụng:

- Khoản 2 Điều 357, 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 5, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Buộc bà Huỳnh Kim R và ông Trần Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền mua thức ăn tôm và tiền lãi tổng cộng là 167.294.508 *(một trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm lẽ tám)* đồng, thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Huỳnh Kim R và ông Trần Văn H không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Bà Huỳnh Kim R và ông Trần Văn H cùng có nghĩa vụ nộp 8.364.725 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được giảm 50% án phí là 4.182.362 đồng. Bà Huỳnh Kim R và ông Trần Văn H còn phải nộp 4.182.362 *(bốn triệu một trăm tám mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi hai)* đồng, án phí.

TRng trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TRng thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Tân Phú Đông;
- THA DS H. Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI